| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BÀU BÀNG**<br>**TỈNH BÌNH DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 65/2025/HS-ST
Ngày 06-6-2025

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Bà Phạm Thị Cảnh

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Văn Hòa;

2. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Huỳnh Thị Quế Trâm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng tham gia phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Hồng, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 41/2025/HSST ngày 24 tháng 4 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2025/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 5 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Hữu Đ**, sinh ngày 01/01/1996, tại tỉnh Cà Mau, nơi thường trú: Ấp M, xã A, huyện U, tỉnh Kiên Giang, nơi tạm trú: khu phố D, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn K và bà Bùi Thị Tú A, có vợ là Nguyễn Thị M, có 04 con; tiền án, tiền sự: không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/4/2025, bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. **Đàm Thúy N**, sinh ngày 23/3/1997, tại tỉnh Cao Bằng, nơi thường trú: Thôn E, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nơi tạm trú: Khu phố F, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; con ông Đàm Văn X và bà Tô Thị H; có chồng là Sầm Văn N1, có 02 con; tiền án, tiền sự: không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/4/2025, bị cáo tại ngoại, có mặt.

- Bị hại: Ông Quách Văn Q, sinh năm 2000, nơi cư trú: Tổ H, ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Ông Cao Thành N2, sinh năm 1995, nơi cư trú: Tổ A, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

+ Ông Trương Phước H1, sinh năm 1990, nơi thường trú: Khu phố T, phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

+ Ông Trương Phước H2, sinh năm 2000, nơi thường trú: Ấp P, phường P, huyện C, tỉnh Hậu Giang, nơi tạm trú: Nhà trọ Hảo Tình, số D, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

+ Ông Phan Quang V, sinh năm 1997, nơi cư trú: Tổ E, ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

+ Bà Võ Xuân T, sinh năm 1978, nơi cư trú: Tổ E, ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hữu Đ và Đàm Thúy N có mối quan hệ tình cảm nam nữ. Đ là bạn bè với Quách Văn Q, sinh năm 2000, thường trú tại ấp X, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Cả Đ, N và Q sống tại nhà trọ Ngọc T1 thuộc tổ H, ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương. Do không có tiền tiêu xài, Đ bàn bạc với N thống nhất mượn xe mô tô của Q mang đi cầm cố, sau đó cùng nhau bỏ về Đắk Lắk sống.

Khoảng 8 giờ 30 phút, ngày 28/11/2024, Nguyễn Hữu Đ qua phòng trọ hỏi mượn xe mô tô hiệu Suzuki Satria, màu xanh đen biển số 95H1-641.16 của Quách Văn Q, đi mua đồ ăn và lấy giấy tờ xe cho Q vì trước đó Đ điều khiển xe mô tô của Q thì bị Công an phường C, thành phố B, tỉnh Bình Dương xử phạt về hành vi xe không có gương, bị tạm giữ giấy tờ xe, Q đồng ý. Đ điều khiển xe mô tô của Q, rồi N điều khiển xe mô tô Sirius biển số 61K1-030.93 mượn trước đó của Phan Quang V, sinh năm 1997, thường trú tại ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương (V là bạn của Đ), đến Công an phường C để đóng tiền phạt và lấy giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô trên. Tiếp đó, Đ và Như đến Cửa hàng C tại đường D, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương do Cao Thành N2, sinh năm 1995, thường trú tại khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương là đại diện. Trong lúc cầm xe, Đ nói xe mô tô hiệu Suzuki Satria màu xanh đen biển số 95H1-641.16 mình mua nhưng chưa làm thủ tục sang tên, N2 cứ cầm xe sau đó kết bạn zalo Đ sẽ gửi căn cước công dân của chủ xe qua cho N2. Sau khi kiểm tra xe đúng với thông tin trên giấy chứng nhận đăng ký xe, N2 đồng ý và viết giấy cầm xe mô tô trên với số tiền 18.000.000 đồng. Sau khi có tiền, Đ chở N trên xe mô tô Sirius đến gặp V và mua lại xe mô tô này với giá 7.000.000 đồng, Đ chở N về thành phố B, tỉnh Đắk Lắk thuê nhà nghỉ đồng thời chặn số điện thoại, cách thức liên lạc với

Q. Đến chiều cùng ngày, không thấy Đ trả xe không liên lạc được với Đ nên Q đến Công an xã L trình báo sự việc.

Sau khi tiếp nhận tin báo, Công an xã L đã tiến hành xác minh làm việc với tiệm cầm đồ Kim Quyên 2, ông Cao Thành N2 chủ tiệm cầm đồ đã tự nguyện giao nộp lại cho Công an xã L: 01 xe mô tô hiệu Suzuki Satria màu xanh đen biển số 95H1-641.16; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 95H1-641.16, 01 giấy căn cước công dân phô tô chứng thực mang tên Nguyễn Hữu Đ và 01 hợp đồng thế chấp xe mô tô số KQ2-281124/005.

Do hết tiền nên ngày 12/12/2024, Nguyễn Hữu Đ và Đàm Thúy N quay về xã L, huyện B để trả lại xe mô tô Sirius biển số 61K1-030.93 trước đó mua của V và xin V trả lại số tiền 7.000.000 đồng, V đồng ý lấy lại xe và trả tiền cho Đ. Sau đó Đ và N đến gặp Q, cả ba đến Công an xã L khai báo toàn bộ sự việc như diễn biến nêu trên.

Theo Kết luận định giá số 126 ngày 11/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận xe mô tô hiệu Suzuki Satria màu xanh đen biển số 95H1-641.16 trị giá: 19.500.000 đồng.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Satria màu xanh đen biển số 95H1-641.16 do Trương Phước H2 sinh năm 2000, thường trú tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang là người đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe. Vào ngày 10/01/2022, H2 cầm xe mô tô trên cho ông Trương Phước H1, sinh năm 1990, nơi cư trú ấp T, xã A, thành phố B, tỉnh Bình Dương (là chủ hộ kinh doanh cầm đồ Bảo Tín) nhưng quá thời gian thỏa thuận H2 không đến đóng tiền lấy xe nên ông H1 đã bán xe mô tô trên cho Quách Văn Q vào ngày 20/7/2022 nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Ông Q là chủ sở hữu hợp pháp xe mô tô trên nên Cơ quan điều tra trả lại xe mô tô cùng giấy chứng nhận đăng ký xe cho Q.

Đối với xe mô tô Sirius biển số 61K1-030.93 do bà Võ Xuân T, sinh năm 1978, trú tại ấp B, xã L, huyện B là chủ sở hữu. Bà T là mẹ ruột của Phan Quang V, biết Nguyễn Hữu Đ là bạn của V, trước đó do Đ không có xe đi làm nên bà T cho Đ mượn xe làm phương tiện đi lại. Ngày 28/11/2024, V bán xe mô tô trên cho Đ, bà T đồng ý nhưng do không có nhà nên chưa làm giấy bán xe, bà T đồng ý cho Đ trả lại xe và xin nhận lại tiền, hiện xe mô tô trên do bà T đang quản lý sử dụng và không có ý kiến gì khác.

Cao Thành N2 yêu cầu Nguyễn Hữu Đ trả lại số tiền 18.000.000 đồng, Đ đã trả lại số tiền trên cho N2.

Cáo trạng số 44/CT-VKSBB ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Hữu Đ và bị cáo Đàm Thúy N về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Đ mức hình phạt từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Đàm Thúy N mức hình phạt từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng đến 18 tháng kể từ ngày tuyên án.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự đã xử lý xong nên không đặt ra xem xét.

Tại phiên tòa, các bị cáo không tranh luận, bào chữa cho hành vi phạm tội của mình. Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, các bị cáo không nói lời sau cùng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ vào lời khai của các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và những chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xác định: Do không có tiền tiêu xài, Nguyễn Hữu Đ và Đàm Thúy N bàn bạc mượn xe của Quách Văn Q để đi công việc và sau đó mang đi cầm cố nhằm lấy tiền tiêu xài cá nhân. Ngày 28/11/2024, Đ và N đưa ra thông tin gian dối để mượn xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Satria màu xanh đen biển số 95H1-641.16 trị giá 19.500.000 đồng của Quách Văn Q mang đi cầm cố, rồi bỏ trốn khỏi địa phương, không liên lạc với Q. Hành vi dùng thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại mà Đ và Như thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Cáo trạng số 44/CT-VKSBB ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương và kết luận của Kiểm sát viên truy tố các bị cáo Nguyễn Hữu Đ, Đàm Thúy N là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; các bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, thể hiện sự xem thường pháp luật, xem thường quyền sở hữu tài sản của người khác, làm mất lòng tin lẫn nhau trong nhân dân, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Về nhận thức các bị cáo hoàn toàn biết hành vi đưa ra thông tin gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo với mức án tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Về tính tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đã bồi thường cho bị hại; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngoài ra, bị cáo Đàm Thúy N là dân tộc thiểu số nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Về xử lý vật chứng: Xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Satria màu xanh đen biển số 95H1-641.16 Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại xe mô tô cùng giấy chứng nhận đăng ký xe cho Q là đúng quy định.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Quách Văn Q đã nhận lại xe mô tô, không có yêu cầu gì khác nên trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét.

Ông Cao Thành N2 đã nhận số tiền bồi thường là 18.000.000 đồng từ các bị cáo và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

[8] Vụ án với tính chất đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn không có sự cấu kết chặt chẽ, bị cáo Đ là người khởi xướng, trực tiếp thực hành, bị cáo N với vai trò thứ yếu, giúp sức cho bị cáo Đ thực hiện hành vi. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo Đ, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành những công dân có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Đàm Thúy N tham gia với vai trò giúp sức, thứ yếu, có nhân thân tốt; có nơi cư trú rõ ràng; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; thời trong thời gian tại ngoại bị cáo chấp hành tốt chính sách pháp luật tại địa phương. Vì vậy, việc không cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian cũng không ảnh hưởng đến việc đấu tranh phòng ngừa tội phạm tại địa phương, nên quyết định áp dụng loại hình phạt tù có điều kiện đối với bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi cư trú. Do áp dụng hình phạt tù có điều kiện đối với bị cáo nên cần

hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 12/2025/HSST-LCĐKNCT ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương đối với bị cáo N.

[9] Về hình phạt bổ sung: Xét, việc áp dụng hình phạt tù cũng đủ sức răn đe, giáo dục nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] Đối với Cao Thành N2 không biết xe mô tô bị cáo Đ cầm cố là tài sản do phạm tội mà có nên không đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

[11] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với các bị cáo về tội danh, mức hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, trách nhiệm dân sự là phù hợp nên có căn cứ chấp nhận.

[12] Án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 174; Điều 58, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Hữu Đ.

Khoản 1 Điều 174; Điều 58, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 02/2022/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 của Toà án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo đối với bị cáo Đàm Thúy N.

Điều 136, Điều 260, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu Đ và bị cáo Đàm Thúy N phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Đ 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Đàm Thúy N 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 14 tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Đàm Thúy N cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp hình phạt của Bản án mới theo quy định.

Tiếp tục duy trì Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 11/2025/HSST-LCĐKNCT ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương đối với bị cáo Nguyễn Hữu Đ.

Huỷ bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 12/2025/HSST-LCĐKNCT ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương đối với bị cáo Đàm Thúy N

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Hữu Đ và bị cáo Đàm Thúy N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết../.

*Nơi nhận:*
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- UBND phường Thới Hoà, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, Toà.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
**(Đã ký)**

**Phạm Thị Cảnh**